

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Về sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện nội dung Công văn số 4229/BNN-TCTS ngày 18/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về ban hành các giải pháp, chính sách thực hiện Chương trình

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách trung ương;
- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến 2030;
- Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;
- Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc ban hành Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025;
- Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chương trình về phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 như sau:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân hàng năm đạt 7,6%.
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 216.000 tấn.
- Giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 25 triệu USD.
- Tăng dần số lượng tàu thuyền đánh bắt xa bờ có công suất 400cv trở lên, giảm dần số lượng tàu thuyền đánh bắt ven bờ có công suất dưới 90cv. Tổng số lượng tàu thuyền đến năm 2020 giảm còn 5.300 chiếc, với tổng công suất 1.600.000cv. Đến năm 2020, giảm tỷ lệ nghề lưới kéo tầng đáy xuống dưới 25%; tăng nghề rê khơi lên 30%, nghề rê câu lên 18% và nghề vây đạt 13%.
- Đầu tư hoàn chỉnh đồng bộ một số vùng nuôi tôm công nghiệp áp dụng

các quy trình nuôi kỹ thuật tiên tiến, thực hành nuôi tốt (GAP), nuôi có trách nhiệm (CoC).

- Xây dựng cơ sở vật chất Khu bảo tồn biển Lý Sơn, thực hiện thí điểm mô hình đồng quản lý nghề cá.

- Đến năm 2020, tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành các cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các vùng cửa biển.

- Xây dựng hình thành 1 - 2 chuỗi liên kết sản xuất: Khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

2. Về tổ chức thực hiện Chương trình

Để tổ chức thực hiện Chương trình, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện, thành phố ven biển và hải đảo triển khai thực hiện Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực tại Công văn số 322/UBND-NNTN ngày 18/01/2019, cụ thể:

- Xác định tôm nước lợ là đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh và tập trung các giải pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi tôm.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan chính quyền địa phương các cấp triển khai thực hiện các nội dung tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 796/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 và số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2018.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố có nuôi tôm triển khai thực hiện các nhiệm vụ về nuôi trồng thủy sản, trong đó chú trọng việc hướng dẫn, tuyên truyền nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch; thực hiện nuôi tôm theo lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản để phòng, tránh dịch bệnh; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đối tượng thủy sản biết và thực hiện các nội dung tại Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kêu gọi, khuyến khích người nuôi đầu tư các mô hình nuôi thủy sản với nhiều hình thức nuôi khác nhau trên cơ sở áp dụng các quy trình nuôi kỹ thuật tiên tiến phù hợp cho từng vùng nuôi.

3. Về huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình

Trong giai đoạn 2016-2019: 343.661 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương (gồm cả vốn ODA): 323.161 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 241.000 triệu đồng.

- Vốn ODA: 82.161 triệu đồng.

b) Vốn Ngân sách địa phương: 20.500 triệu đồng, trong đó vốn đối ứng dự án ODA: 16.750 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 02 kèm theo).

c) Đánh giá chung về khả năng cân đối nguồn lực:

Việc huy động và phân bổ nguồn lực từ ngân sách Trung ương, ngân

sách địa phương để thực hiện các dự án đầu tư công của Chương trình theo Kế hoạch trung hạn đã được phê duyệt là đảm bảo. Tuy nhiên, nguồn lực hàng năm cân đối để thực hiện các mục tiêu của Chương trình còn thấp; khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình còn hạn chế.

4. Về các mục tiêu và kết quả đạt được

a) Đánh giá mục tiêu tổng quát của Chương trình ở địa phương:

Trong thời gian qua, việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đã đạt một số kết quả, cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản năm 2018 đạt 7,85%/7,6%.

- Tổng sản lượng thủy sản năm 2018 đạt 234.737 tấn/216.000 tấn.

- Giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2018 đạt 18/25 triệu USD.

- Khai thác thủy sản: Chuyển dịch theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác ven bờ; theo đó, cơ cấu tàu thuyền chuyển dịch theo đúng định hướng, giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90CV, tăng dần tàu cá có công suất lớn từ 400CV trở lên. Đến nay, tổng số tàu cá toàn tỉnh có 5.642 chiếc tàu, tổng công suất 1.816.963CV. Đã triển khai tạm dừng phát triển tàu cá làm nghề lưới kéo và nghề lặn nhằm hạn chế phát triển, giảm các nghề có tác động xấu đến môi trường và nguồn lợi, từng bước giảm tỷ lệ nghề lưới kéo xuống 25% trong cơ cấu nghề khai thác hải sản. Áp dụng các tiến bộ công nghệ trong khai thác, chuyển đổi đối tượng, mùa vụ, ngư trường: hướng dẫn ngư dân áp dụng các công nghệ mới phục vụ cho khai thác hải sản như ứng dụng máy dò ngang, máy ra đa, máy lọc nước biển thành nước ngọt...; chủ động chuyển đổi nghề, ngư trường theo mùa vụ để khai thác đạt năng suất cao. Hướng dẫn và vận động ngư dân phát triển các nghề khai thác mới như lưới chụp, lưới rê bùng nhùng (rê xù), nghề câu cá ngừ đại dương, lồng bẫy.... nhằm khai thác các đối tượng mới, đạt năng suất cao.

- Nuôi trồng thủy sản: Tập trung giải pháp phòng chống dịch bệnh cho nuôi tôm nước lợ, chú trọng nuôi theo hướng hạn chế ô nhiễm môi trường như áp dụng các quy trình kỹ thuật nuôi tôm 2 giai đoạn, nuôi tôm sử dụng nước từ ao nuôi cá rô phi, nuôi ghép tôm với cá nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần hạn chế dịch bệnh cho tôm nuôi. Kết quả: Diện tích tôm nuôi bị bệnh có xu hướng giảm dần, nhiều mô hình, phương pháp nuôi tôm hiệu quả, hạn chế dịch bệnh được người dân tiếp cận và áp dụng rộng rãi đã cho kết quả khả quan và có chiều hướng phát triển mở rộng. Nghề nuôi lồng trên biển ở Lý Sơn phát triển khá trong những năm gần đây đã góp phần tăng thu nhập cho một bộ phận người dân địa phương.

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền Luật Thủy sản năm 2017, tuyên truyền phổ biến cho người dân các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản, đồng thời hướng dẫn kỹ thuật nuôi các mô hình nuôi hiệu quả, hạn chế dịch bệnh như: Quy trình nuôi tôm nước lợ thâm canh, bán thâm canh hạn chế dịch bệnh theo hướng dẫn của Tổng cục Thủy sản; mô hình nuôi ghép, ..., hướng dẫn người nuôi cách thức lựa chọn con giống, lựa

chọn và sử dụng thức ăn, chế phẩm sinh học bảo đảm chất lượng.

- Kết quả thực hiện các dự án:

+ Số dự án đã hoàn thành trong giai đoạn 2016-2018: 01 dự án (dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ). Dự án hiện nay đang được trình phê duyệt quyết toán. Năng lực hàng hóa qua cảng tăng 12.000 tấn/năm.

+ Số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020: 03 dự án (dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ; dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2; Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á giai đoạn 2). Năng lực tăng thêm: Hàng hóa qua cảng 12.000 ngàn tấn năm; tàu thuyền neo đậu tại 2 cảng neo trú tăng thêm và đạt 1.400 tàu có công suất tối đa 400CV- 800CV (Lý Sơn: 1.000 chiếc, Mỹ Á: 400 chiếc).

Các dự án đã và đang triển khai đều là dự án chuyển tiếp nên đều là các dự án đã có trong Chương trình; phù hợp với tiêu chí ưu tiên lựa chọn và điều kiện bố trí vốn thực hiện dự án.

II. BÁO CÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch đầu tư và tình hình thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020

a) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

Tổng vốn theo kế hoạch: 425.436 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 408.287 triệu đồng hỗ trợ đầu tư thực hiện Chương trình đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 23/7/2017 là 237.304 triệu đồng để thực hiện dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2 và dự án Khu neo trú tàu thuyền và Cảng cá Cổ Lũy.

- Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao kế hoạch vốn: 10 tỷ đồng thực hiện dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ .

- Vốn ngân sách tỉnh: 27.149 triệu đồng, trong đó:

+ Dự án Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ, Quảng Ngãi: 3.000 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng NSĐP: 24.149 triệu đồng (Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á).

- Vốn ODA thực hiện dự án: 160.983 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á.

Nguồn vốn huy động khác: Đến nay đã có một nhà đầu tư đầu tư vào cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá và quản lý, khai thác ở cảng cá Sông Trà Bồng (đầu tư khoảng 29 tỷ đồng để thực hiện các hạng mục dịch vụ hậu cần trên bờ); một số nhà đầu tư đang lập chủ trương đầu tư xây dựng vùng sản xuất

thủy sản như: Dự án Nuôi tôm trên cát xã Phô Khánh, huyện Đức Phổ; dự án Nuôi hải sâm, nuôi tôm kết hợp hải sâm, nuôi hải sâm kết hợp trồng rong nho ở huyện Mộ Đức và Đức Phổ.

b) Tình hình phân bổ vốn thực hiện Chương trình các năm 2016, 2017, 2018 và 2019:

Tổng vốn đã bố trí giai đoạn 2016 - 2019: 343.661 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách Trung ương: 323.161 triệu đồng

Vốn ngân sách địa phương: 20.500 triệu đồng

- Năm 2016: 27.150 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 26.700 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách địa phương: 450 triệu đồng

- Năm 2017: 82.350 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 78.300 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách địa phương: 4.050 triệu đồng.

- Năm 2018: 179.161 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 168.161 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách địa phương: 11.000 triệu đồng.

- Năm 2019: 55.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 50.000 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách địa phương: 5.000 triệu đồng.

(Chi tiết từng dự án theo Biểu mẫu số 02 kèm theo)

c) Phân tích đánh giá khả năng đáp ứng của kế hoạch được giao so với nhu cầu thực tế tại địa phương:

Nhu cầu thực tế đầu tư tại địa phương là rất lớn nhưng khả năng đáp ứng của kế hoạch được giao còn quá thấp, cụ thể:

- Nguồn vốn được phân bổ từ ngân sách từ Trung ương để thực các dự án đầu tư từ trước năm 2016 chuyển sang còn thiếu để thực hiện dự án: 90,363 tỷ đồng (*thực hiện hoàn thành dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2 là 80,363 tỷ đồng; khởi công mới dự án Khu neo trú tàu thuyền và Cảng cá Cổ Lũy là 10 tỷ đồng*).

- Nguồn vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương còn thiếu 24,149 tỷ đồng (*để thực hiện Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á giai đoạn 2*).

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2018 và dự kiến thực hiện giai đoạn 2019 - 2020

a) *Tình hình triển khai thực hiện các chính sách của Chương trình theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi:*

a1) Triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014

của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;

- Về chính sách tín dụng

Triển khai thực hiện chính sách tín dụng đóng mới tàu cá theo Nghị định số 67, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách 62 chủ tàu cá tham gia, trong đó có 47 tàu làm nghề lưới rê, 06 tàu nghề lưới vây, 04 tàu nghề Câu, 01 tàu nghề Chụp, 04 tàu nghề DVHC (gồm 11 tàu vỏ thép, 51 tàu vỏ gỗ) với tổng số tiền cam kết cho vay theo Hợp đồng tín dụng 387,09 tỷ đồng, đã đưa vào hoạt động sản xuất (năm 2017, trong quá trình sản xuất 01 tàu cá vỏ gỗ của ông Nguyễn Văn Trung, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn bị tai nạn chìm mất hoàn toàn và đã được Công ty Bảo hiểm giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định. Hiện nay còn 61 tàu cá).

- Về chính sách bảo hiểm:

Tính từ đầu chương trình năm 2015 đến tháng 2/2019, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh – Quảng Ngãi đã bán bảo hiểm cho 53.181 lượt thuyền viên, NSNN hỗ trợ 15.954 triệu đồng và 5.114 lượt tàu cá, NSNN hỗ trợ 128.339,94 triệu đồng. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là 144.293,94 triệu đồng.

- Về chính sách hỗ trợ duy tu, sửa chữa định kỳ: UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách 13/15 chủ tàu cá vỏ thép đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ theo Nghị định số 67; các tàu cá thực hiện đăng kiểm và lên đà duy tu, sửa chữa định kỳ đúng hạn. Riêng các tàu cá vỏ thép nằm bờ không thực hiện đăng kiểm theo quy định. Chính sách này chưa thực hiện được vì đang chờ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn định mức kinh tế kỹ thuật vận hành, duy tu, bảo dưỡng tàu cá vỏ thép.

- Kết quả triển khai thực hiện hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg: UBND tỉnh phê duyệt 02 tàu cá đóng mới tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg (01 tàu vỏ composite làm nghề DVHC, 01 tàu vỏ gỗ làm nghề lưới vây) đang hoạt động có hiệu quả, đã hoàn tất hồ sơ và được hỗ trợ theo quy định với tổng số tiền 5.649,451 triệu đồng.

- Tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách 10 tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, có 04 chủ tàu đã triển khai làm thủ tục cấp Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá vỏ composite, trong đó 02 chủ tàu đã có thiết kế được phê duyệt và ký hợp đồng đóng tàu với cơ sở đóng tàu nhưng chưa được Trung tâm đăng kiểm tàu cá thuộc Tổng cục Thủy sản thực hiện ký kết hợp đồng giám sát kỹ thuật.

a2) Tình hình thực hiện hỗ trợ ngư dân đánh bắt vùng biển xa theo

Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ

Tính đến nay, UBND tỉnh đã quyết định hỗ trợ 45 đợt, với tổng số tiền là 1.643.502 triệu đồng, trong đó:

Tổng số tiền hỗ trợ nhiên liệu: 1.598.087 triệu đồng.

+ Tổng số tiền hỗ trợ Bảo hiểm thân tàu: 2.026 triệu đồng.

+ Tổng số tiền hỗ trợ Bảo hiểm thuyền viên: 975 triệu đồng.

+ Tổng số tiền hỗ trợ máy thông tin liên lạc tầm xa sóng HF: 38.668 triệu đồng.

+ Kinh phí lắp đặt trạm bờ: 245 triệu đồng.

+ Hỗ trợ 07 tàu khai thác vùng biển xa bị tàu nước ngoài đâm chìm, đập phá làm chìm mất, được hỗ trợ đóng mới là 3.500 triệu đồng.

a3) Thực hiện dự án nâng cấp 02 trạm bờ: đến nay đã thực hiện nâng cấp 01 trạm bờ tàu cá với kinh phí 306 triệu đồng, trạm hoạt động tốt, hiệu quả. Công tác thực hiện bảo dưỡng 02 trạm bờ, dự kiến sẽ thực hiện trong quý III/2019.

a4) Tuyên truyền, kêu gọi các chủ tàu cá có tàu cá từ 15 mét trở lên thực hiện gắn giám sát thiết bị hành trình khi tham gia khai thác ngoài biển xa. Đến nay, chưa có tàu cá nào thực hiện gắn thiết bị này.

a5) Triển khai thực hiện dự án Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2019: Đã được bố trí kinh phí thực hiện dự án này trong năm 2019 với tổng kinh phí là 128 triệu đồng. Đang làm các thủ tục để tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu để triển khai thực hiện.

a6) Về huy động, kêu gọi đầu tư xây dựng vùng sản xuất thủy sản: Hiện nay các tổ chức, cá nhân đang xin chủ trương đầu tư để thực hiện xây dựng các dự án sản xuất thủy sản như: Dự án Nuôi tôm trên cát xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ; dự án Nuôi hải sâm, nuôi tôm kết hợp hải sâm, nuôi hải sâm kết hợp trồng rong nho ở huyện Mộ Đức và Đức Phổ;...

a7) Thực hiện tái tạo nguồn lợi thủy sản hàng năm ở các vùng nước mặn, lợ và các thủy vực nước ngọt tự nhiên trong tỉnh. Đối tượng thả tái tạo là các đối tượng có giá trị kinh tế, các đối tượng truyền thống.

b) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020:

b1) Nguồn vốn được giao và giá trị giải ngân qua các năm 2016, 2017 và 2018:

- Năm 2016:

Kế hoạch vốn giao: 27.150 triệu đồng, giải ngân được 27.150 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn, trong đó: vốn NSTW hỗ trợ do tỉnh quản lý: 22.000/22.000 triệu đồng, vốn NSTW do Bộ quản lý: 4.700/4.700 triệu đồng, vốn NSDP đối ứng dự án ODA: 450/450 triệu đồng.

- Năm 2017:

Kế hoạch vốn giao: 81.600 triệu đồng, giải ngân được 77.184 triệu

đồng, đạt 94,6% vốn kế hoạch, trong đó: vốn NSTW hỗ trợ do tỉnh quản lý: 73.000/73.000 triệu đồng; vốn NSTW Bộ quản lý cấp 5.300/5.300 triệu đồng; vốn NSDP (đối ứng dự án ODA và dự án có vốn Bộ cấp): 850/4.050 triệu đồng.

- Năm 2018:

Kế hoạch vốn giao: 179.161 triệu đồng giải ngân được 178.175 triệu đồng, trong đó vốn NSTW hỗ trợ và giải ngân do tỉnh quản lý: 86.000/86.000 triệu đồng, vốn ODA: 82.161/82.161 triệu đồng, vốn NSDP (đối ứng dự án ODA và dự án có vốn Bộ cấp): 11.000/12.841 triệu đồng (có vốn năm 2017 kéo dài sang năm 2018).

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 05 kèm theo)

b2) Nguồn vốn được giao năm 2019 và dự kiến năm 2020:

- Năm 2019:

+ Kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ và dự kiến giải ngân: 50.000/50.000 triệu đồng;

+ Vốn ODA dự kiến kế hoạch vốn bố trí và giải ngân : 54.000/54.000 triệu đồng, vốn NSDP (đối ứng dự án ODA): 15.000/15.000 triệu đồng (không kể vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019).

- Năm 2020:

Dự kiến kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ thực hiện cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2: 80.363 triệu đồng và dự án Khu neo trú tàu thuyền và Cảng cá Cổ Lũy: 10.000 triệu đồng đảm bảo giải ngân đạt 100%.

b3) Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

* Về nuôi trồng thủy sản:

Cơ sở hạ tầng vùng nuôi đề xuất trong Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP đến nay vẫn chưa triển khai được.

Dự án đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi: Tổng mức đầu tư 90 tỷ đồng; đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho chủ trương đầu tư tại Công văn số 397/BNN-KH ngày 15/01/2015 về việc chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có báo cáo đề xuất chủ trương và đã lập dự án gửi Bộ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được bố trí kinh phí để thực hiện dự án này.

* Về giống thủy sản:

Trong Kế hoạch triển khai Nghị định 67/2014/NĐ-CP có đề xuất vốn ngân sách địa phương bố trí vốn trong giai đoạn 2016-2020 để nâng cấp 02 trại giống (Đức Phổ và Phổ Quang). Đến nay chưa bố trí vốn.

* Về chương trình đầu tư cảng cá và khu neo đậu trú bão

Theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú

bảo cho tàu cá đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có 07 khu neo đậu trú bão trong đó có kết hợp với cảng cá là 05 cảng cá.

Được sự quan tâm của Bộ, ngành Trung ương, đến nay đã và đang triển khai đầu tư 05 cảng cá và Khu neo đậu trú bão (Khu neo trú tàu thuyền đảo Lý Sơn, Khu neo trú kết hợp cảng cá Tịnh Hòa, Khu neo trú kết hợp cảng cá Mỹ Á; Cảng cá Sa Cần; Cảng cá Sa Kỳ) và đang lập Chủ trương đầu tư 01 cảng (Khu neo trú tàu thuyền và Cảng cá Cổ Lũy).

Các dự án trên được chia làm nhiều giai đoạn đầu tư; việc bố trí vốn đầu tư xây dựng còn kéo dài do đó chưa phát huy được hiệu quả như mục tiêu đề ra. So với quy hoạch và yêu cầu thực tế về cảng cá loại I, loại II đã quy định tại Điều 78 về phân loại cảng cá của Luật Thủy sản năm 2017 thì các cảng đang quản lý, khai thác và sử dụng chưa đáp ứng các tiêu chí đề ra.

* Về thực hiện quy hoạch Khu bảo tồn:

Hiện nay đang triển khai thực hiện dự án Khu Bảo tồn biển Lý Sơn.

Tình hình thực hiện kế hoạch 2016 - 2018 và dự kiến 2019 - 2020 của dự án theo Biểu mẫu số 03 kèm theo.

b4) Những tồn tại hạn chế trong quản lý dự án, các khó khăn về kỹ thuật trong triển khai dự án, các vướng mắc về quy trình thủ tục trong quản lý đầu tư:

Vướng mắc lớn nhất trong triển khai thực hiện dự án là công tác đền bù giải phóng mặt bằng (*dự án Cảng cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ*) và bố trí vốn đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án (*Vùng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2*); kỹ thuật phức tạp khi lập thiết kế bản vẽ thi công của dự án và trình tự thủ tục phê duyệt dự án kéo dài (*Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á giai đoạn 2*).

3. Đề xuất kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025

a) Cơ sở đề xuất:

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của tỉnh và hướng dẫn xây dựng kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Công văn số 05/BNN-KH ngày 02/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

- Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2020.

b) Định hướng và mục tiêu ưu tiên đầu tư công tại địa phương:

- Ưu tiên bố trí vốn trả nợ các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Ưu tiên đầu tư các dự án chuyển tiếp trong giai đoạn 2016-2020.

+ Các dự án có trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2016-2020 của Chương trình tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh nhưng chưa được đầu tư.

c) Lựa chọn danh mục và đề xuất vốn kế hoạch đầu tư trung hạn:

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025: 1.065.563 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách Trung ương: 913.863 triệu đồng;

Vốn ngân sách địa phương: 151.700 triệu đồng.

Cụ thể:

- Dự án đã hoàn bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn trong năm 2020 là 80.363 triệu đồng cho dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 là 157.250 triệu đồng cho dự án Khu neo trú tàu thuyền và Cảng cá Cổ Lũy.

- Dự án dự án khởi công mới là: 827.950 triệu đồng, gồm các dự án:

+ Xây dựng hạ tầng vùng nuôi tôm tập trung xã Nghĩa Hòa.

+ Trồng phục hồi san hô trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt Khu Bảo tồn Lý Sơn.

+ Xây dựng hạ tầng vùng nuôi thủy sản tập trung trên biển Lý Sơn.

+ Khu neo đậu tránh trú bão Sa Huỳnh.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải nuôi tôm trên cát Đức Phong.

+ Nâng cấp trại sản xuất giống thủy sản nước lợ tập trung tại xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ.

+ Nâng cấp trại thực nghiệm sản xuất giống thủy sản tại xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ.

(Tổng hợp danh mục dự án chi tiết theo Biểu mẫu số 04 kèm theo)

- Dự án nhu cầu vốn sự nghiệp, ưu tiên các dự án:

+ *Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khai thác thủy sản ven bờ.*

+ *Hỗ trợ ngư dân đánh bắt vùng biển xa (theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg).*

+ *Quan trắc cảnh báo môi trường và dịch bệnh.*

- Dự án huy động vốn đầu tư từ xã hội:

- *Đóng mới tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới; đóng mới tàu vỏ gỗ.*

- *Đầu tư mới, nâng cấp cơ sở đóng, sửa tàu cá.*

- *Dự án nuôi tôm trên cát xã Phổ Khánh.*

- *Dự án sản xuất giống và nuôi thủy sản huyện Mộ Đức.*

III. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những khó khăn vướng mắc trong thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020

- Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi, sản xuất giống: Ngân sách địa phương đã đầu tư xây dựng và nâng cấp một số công trình phục vụ sản xuất giống thủy sản, tuy nhiên đối với những công trình cơ sở hạ tầng vùng nuôi thì chưa có

công trình nào được đầu tư xây dựng. Do cơ sở hạ tầng phục vụ vùng nuôi chưa được đầu tư đúng mức nhất là hệ thống xử lý nước thải vùng nuôi tôm tập trung, hệ thống thủy lợi cung cấp nước ngọt cho NTTS và hạ tầng cho các khu sản xuất giống tập trung nên đa số vùng nuôi và ao nuôi không đảm bảo kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường dẫn đến dịch bệnh trên tôm nuôi liên tiếp xảy ra nhưng chưa có biện pháp phòng trị hiệu quả.

- Về cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão: Phần lớn công trình mới chỉ đầu tư giai đoạn 1, chưa được hoàn chỉnh và đồng bộ đã hạn chế lớn cho sự phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá. Nguyên nhân bao trùm chủ yếu do vốn đầu tư cho ngành thủy sản nói chung và hạ tầng nghề cá nói riêng trong giai đoạn vừa qua rất hạn chế. Các công trình đã và đang đầu tư mới chỉ đáp ứng phục vụ khoảng 30% số lượng tàu thuyền trong tỉnh.

- Số cơ chế chính sách đi vào thực tiễn sản xuất chưa nhiều; việc bố trí vốn ngân sách hỗ trợ các lĩnh vực chưa đồng đều, trong đó lĩnh vực hạ tầng khai thác thủy sản (cảng cá, khu neo đậu tàu cá) được ưu tiên bố trí vốn ngân sách hỗ trợ nhiều hơn rất nhiều so với lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi, nuôi trồng, chế biến thủy sản,... Vì vậy trong thời gian qua các cơ chế chính sách chưa thực sự là đòn bẩy thúc đẩy phát triển ngành thủy sản một cách toàn diện.

2. Nguyên nhân

- Nhu cầu kế hoạch đưa ra trong giai đoạn 2016-2020 là quá lớn trong khi nguồn lực nhà nước bố trí và huy động từ các nguồn vốn khác còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành thủy sản như các quy hoạch, đề án trong Chương trình đã đề ra.

- Một bộ phận ngư dân chưa hiểu, chưa thực hiện đúng các quy định chung của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT (Đối với Chính phủ, Bộ ngành Trung ương)

a) Giai đoạn 2016 - 2020:

Đề nghị điều chỉnh bổ sung tăng kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020:

- Vốn NSTW hỗ trợ cho tỉnh để trả nợ khối lượng thực hiện hoàn thành dự án Cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn giai đoạn 2: Tăng thêm 80.363 triệu đồng.

- Vốn NSTW bố trí vốn đối ứng cho Tiểu dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á giai đoạn 2 (Dự án ODA) là: 24.149 triệu đồng.

b) Giai đoạn sau 2020:

- Bố trí đủ vốn để thực hiện dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét đưa các

dự án về hạ tầng nuôi trồng thủy sản và dự án Khu neo đậu trú bão Sa Huỳnh vào đầu tư giai đoạn 2021-2025 bằng nguồn vốn NSTW do Bộ quản lý.

- Bộ kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ đưa các dự án còn lại từ nguồn vốn NSTW hỗ trợ vào kế hoạch trung hạn 2021-2025.

V. CÁC TÀI LIỆU GỬI KÈM

Các Quyết định của UBND tỉnh:

- Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách Trung ương (tải văn bản tại: <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=79482>).

- Giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn NSTW các năm 2016, 2017, 2018, 2019 tại các Quyết định số: 35/QĐUBND ngày 26/01/2016; 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2018; 76/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 (tải các văn bản tại: <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=58402>; <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=72458>; <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=86216>; <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=99830>)

- Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 về việc chủ trương đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cỏ Lũy thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 1 (tải văn bản tại <http://vanban.quangngai.gov.vn/thongtin/vanban/detail?id=67592>).

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy sản;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 467).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính